

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26- 02- 2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Sơn Lâm- Nguyên cán bộ huyện Đoàn.

Ông Ngô Hoàng Bá- Phó Chủ tịch MTTQ huyện Vĩnh Thạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thạch- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh N, sinh năm 1989. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Ngô Thị G, sinh năm 1986. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thanh N trình bày và yêu cầu: Ông và bà Ngô Thị G đến với hôn nhân là do tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình và cả chuyện tình cảm nên bà G không còn quan tâm chăm sóc cho gia đình nên bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay,

không còn quan tâm hay chủ động hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông N xin được ly hôn với bà G. Về con chung có 01 con chung là cháu Phạm Quốc Đ, sinh ngày 06/02/2011 từ khi ly thân đến nay cháu Đ sống với bà G, khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị G trình bày: Bà thống nhất toàn bộ lời khai của ông N. Về hôn nhân bà đồng ý ly hôn vì cả hai không còn tình cảm, không còn cùng nhau yêu thương chăm lo cho gia đình. Về con bà xin được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Ông Phạm Thanh N được ly hôn với bà Ngô Thị G. Về con chung giao cháu Phạm Quốc Đ, sinh ngày 06/02/2011 cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: ông Phạm Thanh N yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị G nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn bà Ngô Thị Giàu C nơi cư trú tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Thanh N, bị đơn bà Ngô Thị G đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có cơ sở.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Giàu C đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông N và bà G

không được hạnh phúc vì đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu dẫn đến ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân chính là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình và cả chuyện tình cảm cả hai đều không tin tưởng đối phương nên cả hai đều không quan tâm chăm sóc hạnh phúc gia đình dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không quan tâm, không chủ động hàn gắn tình cảm.

Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà G là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Quốc Đ, sinh ngày 06/02/2011 từ khi ly thân đến nay cháu Đ sống với bà G, khi ly hôn ông N đồng ý giao con cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ông bà ly thân đến nay cháu Đ sống với bà G. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của ông N cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án ông N không cấp dưỡng nuôi con và bị đơn bà G cũng có ý kiến không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh N đối với bị đơn bà Ngô Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phạm Thanh N được ly hôn với bà Ngô Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc Đ, sinh ngày 06/02/2011 cho bà Ngô Thị G tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phạm Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: ông Phạm Thanh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007180 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận ông Phạm Thanh N đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Thạnh, H. Phụng Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ánh Đào